TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L **TỈNH VĨNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Số: 104/2022/DS - ST
Ngày: 28 - 10 - 2022
T/c về việc: "Hợp đồng vay"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan P

2. Ông Nguyễn Văn C

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, tham gia phiên tòa:* (không tham gia).

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2022 tranh chấp về việc "*Hợp đồng vay*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXX-STDS, ngày 24 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 380/2022/QĐST-DS, ngày 28 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Bà Thai Thi Thanh T, sinh năm 1979 (có mặt)*

Nơi thường trú tại số 30G, khóm Mỹ Phú, phường Tân Hội, thành phố Vĩnh L.

2. Bị đơn: *Bà Thai Thuy D, sinh năm 1978 (vắng mặt)*

Nơi thường trú tại số 41,khóm Mỹ Phú, phường Tân Hội, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/6/2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà T như sau: Bà T và bà D là bạn bè quen biết nhiều năm nên bà T cho bà D mượn tiền 02 lần. Lần thứ nhất, vào giữa năm 2019 bà T cho bà D mượn số tiền vốn 20.00.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn 01 tháng, không có giấy nợ. Hết thời hạn 01 tháng, bà D không có trả tiền vốn đồng nào. Lần thứ hai, vào cuối năm 2019 bà T cho bà D mượn tiếp số tiền 60.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn 01 tháng, có giấy biên nhận nợ tổng chung hai lần là 80.000.000 đồng

(Tám mươi triệu đồng). Khi hết thời hạn 01 tháng, bà D cũng không trả tiền vốn đồng nào cho đến nay.

Bà D kinh doanh mua bán gạo nên bà T mới cho mượn 20.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh. Lần thứ hai, do thấy bà D mua bán gạo rất đắt nên khi nghe bà D hứa hẹn đáo hạn Ngân hàng xong sẽ trả tiền. Vì vậy, bà T mới cho bà D vay tiếp số tiền 60.000.000 đồng. Khi bà D mượn tổng số tiền 80.000.000 đồng, không có ai biết việc này. Về chữ viết và chữ ký tên, bà T đã thu thập được bản photo đơn xin giảm tiền thuê mặt bằng của bà D được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hội, thành phố Vĩnh L. Bà D nhiều lần không chấp hành triệu tập của Tòa án nên bà T không yêu cầu giám định chữ ký. Nay bà T yêu cầu bà D trả tiền vốn 80.000.000 đồng, không tính lãi trong hạn, không tính lãi chậm trả và không yêu cầu tính lãi từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến thi hành án xong.

Bị đơn Thai Thuy D vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ: Tòa án tống đạt văn bản tố tụng lần nhất vào ngày 20/7/2022 và lần hai vào ngày 05/8/2022 để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 05/8/2022 và ngày 22/8/2022; thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/9/2022 nhưng bà D vắng mặt, không lý do và không có lời khai phản hồi vụ kiện nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có nộp bản chính giấy mượn tiền. Bà T khai giữ nguyên lời khai tại biên bản hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà D vắng mặt, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 05/9/2022; lần hai vào ngày 28/9/2022 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 28/9/2022; phiên tòa sơ thẩm lần hai ngày 28/10/2022 nhưng bà D vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền vay; bị đơn có nơi thường trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Hợp đồng vay lần nhất xác lập giữa năm 2019 và lần hai xác lập cuối năm 2019. Căn cứ Điều 146 Bộ luật Dân sự thì được xác định là ngày 30/6/2019 và ngày 31/12/2019. Ngày phát sinh tranh chấp 01/02/2020, bà T khởi kiện tại Tòa án vào ngày 09/6/2022. Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự đang hiện hành để giải quyết và căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện của bà T là còn trong hạn luật định.

- Bà D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo luật định.

[2]. Hợp đồng vay tiền được xác lập giữa bà T và bà D lần thứ nhất vào ngày 30/6/2019, số tiền vay 20.000.000 đồng và lần hai xác lập vào ngày 31/12/2019 số tiền vay 60.000.000 đồng, có cùng thời hạn 01 tháng, không tính lãi suất. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Về chứng cứ chứng minh bà D có vay tiền nêu trên đã được bà T xuất trình giấy mượn tiền 80.000.000 đồng do bà D ký tên. Ngoài ra, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả hòa giải nhưng bà D vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi thông báo thụ lý vụ án và thông báo kết quả hòa giải nên bà D phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, hết thời hạn vay bà T khởi kiện đòi tiền vốn, không tính lãi suất từ ngày vay cho đến thi hành án xong là phù hợp khoản 1 và khoản 4 Điều 466, Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà D phải trả tiền vốn vay tổng cộng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cho bà T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không tính lãi suất từ ngày vay cho đến khi thi hành án xong.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận số tiền 80.000.000 đồng. Do đó, bà D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Hoàn trả cho bà T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), theo biên lai số N^0 0001317, ngày 24/6/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 146 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Các Điều 429, 146, 466, 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thai Thi Thanh T.

Buộc bà Thai Thuy D phải trả tiền vốn vay tổng cộng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cho bà Thai Thi Thanh T.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không tính lãi suất đối với hai khoản tiền vay nêu trên, từ ngày vay cho đến khi thi hành án xong.

II. Về án phí sơ dân sự sơ thẩm: Bà D phải nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), theo biên lai số N^0 0001317 ngày 24/6/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L, cho bà Thai Thi Thanh T.

Án xử công khai có mặt bà T, vắng mặt bà D. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với bà T được tính từ ngày tuyên án, riêng bà D được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Tòa án cấp tỉnh;
- T.H.A cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thu T